

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20** /2018/HNGĐ - ST

Ngày: 24 – 5 - 2018

V/v Ly hôn và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Dệt

2. Bà Nguyễn Thị Anh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lại Thị Minh Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2017/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 03 năm 2018 về ly hôn và nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đ Th Nh - Sinh năm 1981

Nơi ĐKNK: Phòng 102B1, khu tập thể Đ X, phường M D, quận C Gi, thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện nay: Số nhà 312 phố M, xã Q T, huyện Q X, tỉnh Thanh Hoá.

2. Bị đơn: Anh Ng Q D - Sinh năm 1972

Nơi ĐKNK: Phòng 102B1, khu tập thể Đ X, phường M D, quận C Gi, thành phố Hà Nội.

Hiện đang chấp hành án tại Phân trại số 2 Trại giam Th Ph.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Đ Th Nh trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Ng Q D xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 01 tháng 11 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân phường M D, quận C Gi, thành phố Hà Nội. Sau một thời gian ngắn chung sống, khoảng 6

tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chị phát hiện anh D có vướng vào tệ nạn ma túy. Từ đó vợ chồng chị thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Đến năm 2012 anh D phạm tội và phải đi tù. Trong thời gian chấp hành án tại Trại giam Th L (Thanh Hoá) chị có vào thăm và khuyên can anh rất nhiều. Tháng 2/2015 anh D chấp hành án xong trở về nhà. Tháng 4/2015 anh D lại tiếp tục bị bắt về tội phạm ma túy. Hiện tại anh D đang chấp hành án tại phân trại số 2 Trại giam Th Ph. Chị và anh D sống ly thân từ tháng 4/ 2015 cho đến nay. Chị Nh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị xin được ly hôn với anh D.

Tại Bản tự khai đề ngày 23 tháng 3 năm 2018 bị đơn anh B Q D trình bày: Quá trình kết hôn và đăng ký kết hôn anh thống nhất với ý kiến trình bày của chị N. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc. Đến năm 2012 anh bị TAND quận Cầu Giấy xử phạt 42 tháng tù giam về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành án tại Trại giam Thanh Lâm. Sau khi chấp hành án xong, tháng 4/2015 anh lại bị TAND quận Đống Đa xử phạt 40 tháng tù giam về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và chấp hành án tại phân trại K2 Trại giam Thanh Phong từ đó cho đến nay. Kể từ khi anh đến Trại giam Thanh Phong thì chị Nh không đến thăm anh lần nào nữa. Quan điểm của anh vì thời gian chấp hành án còn lại hơn hai tháng nữa nên anh chưa muốn ly hôn. Để khi anh chấp hành án xong anh về giải quyết ly hôn sau.

Về con: Chị Nh và anh D thống nhất trình bày: Vợ chồng có 02 con chung là Ng Q A T, sinh ngày 23/12/2007 và cháu Ng Ng Ph Tr, sinh ngày 18/2/2012 hiện nay đang ở với chị. Nguyên vọng của chị Nh khi ly hôn là được nuôi 2 con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị Nh và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh D vắng mặt, chị Nh vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn và nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định tại Điều 48, Điều 49 Bộ luật Tố tụng dân sự . Đương sự đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Nh được ly hôn anh D. Về con chung: Giao cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ng Q A T, và cháu Ng Ng Ph Tr. Phần cấp dưỡng nuôi con chị Nh không yêu cầu. Phần tài sản: Chị Nh, anh D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Nh phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh D được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng hiện tại đang chấp hành án nên không thể đến tham gia phiên tòa được. Căn cứ điểm b, Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh D là đúng quy định.

[2] Về nội dung:

- Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đ Th Nh và anh Ng Q D là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D nghiện ma túy và phạm tội bị phạt tù. Phải đi chấp hành án nhiều lần. Đây là nguyên nhân dẫn đến chị Nh làm đơn xin ly hôn.

Đánh giá mâu thuẫn và thực trạng cuộc sống vợ chồng: Anh D và chị Nhật sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, chị Nh không quan tâm đến anh D, không còn thiết tha với cuộc sống vợ chồng. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Nh và anh D đã mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Hiện tại đời sống chung đã chấm dứt. HĐXX xét thấy đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nh.

- Về con chung: Chị Nh và anh D có 02 con chung, các cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện đang ở với chị. Khi ly hôn chị Nh xin được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Về phía anh D cũng xin được nuôi 02 cháu. HĐXX xét thấy hiện tại anh D đang phải chấp hành án nên không có đủ khả năng và điều kiện để nuôi con. Vì vậy giao cho chị Nh nuôi 02 con là phù hợp với tình hình thực tế. Sau này anh D chấp hành án xong về địa phương có cuộc sống ổn định, nếu muốn nuôi con thì làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Chị Nh và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

- Về án phí: Chị Đ Th N khởi kiện vụ án xin ly hôn nên chị phải nộp tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b, Khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết;

- Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận chị Đ Th Nh được ly hôn anh Ng Q D
2. Về con chung: Giao cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ng Q A T, sinh ngày 23/12/2007 và cháu Ng Ng Ph Tr, sinh ngày 18/2/2012. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị Nh không yêu cầu.

Anh D có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nh và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đ Th Nh phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Nh đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2015/0006597 ngày 14/3/2018, chấp nhận chị Nh đã nộp đủ tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo: Chị Nh được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh D được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND Phường M D
- Lưu: HS, VP, H (11).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Hữu Thắng